

Số: 78 /QĐ-MN5

Tân Bình, ngày 27 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Mầm Non 5

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND quận Tân Bình về phân bổ dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự quyết toán ngân sách năm 2024 của trường Mầm Non 5 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, ...



Đào Thị Ánh Tuyết

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON 5 QUẬN TÂN BÌNH
Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo quyết định số: 979/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND quận Tân Bình)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.951.872.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.951.872.000
3.1	<i>Kinh phí tạm phân bổ dự toán chi thường xuyên giao tự chủ vào dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ do chưa phê duyệt phương án tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i>	2.826.322.000
3.2	<i>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</i>	988.628.000
	Miễn, giảm học phí; tổ chức học 2 buổi/ngày	4.320.000
	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo	1.440.000
	Chính sách hỗ trợ giáo viên Mầm non theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND và nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND	354.186.000
	Chính sách thu hút Giáo viên Mầm non theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND	228.900.000
	Phụ cấp thêm giờ	201.242.000
	Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho năm học 2022-2023 theo Nghị quyết 17/2022/NQ-HĐND	198.540.000
3.3	<i>Nguồn cải cách tiền lương ngân sách phân bổ</i>	2.136.922.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	